

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	14.968.493	5.438.098
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	298.522.740	310.707.364
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>		46.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>313.491.233</u></b>	<b><u>46.516.145.462</u></b>

<sup>(\*)</sup> Là tiền góp vốn của các cổ đông đang bị phong tỏa.**2. Phải thu của khách hàng****2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b><u>53.915.187.617</u></b>	<b><u>45.493.982.764</u></b>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	53.915.187.617	45.493.982.764
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b><u>14.267.754.876</u></b>	<b><u>15.250.278.576</u></b>
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh	10.564.791.623	10.564.791.623
Các khách hàng khác	3.702.963.253	4.685.486.953
<b>Cộng</b>	<b><u>68.182.942.493</u></b>	<b><u>60.744.261.340</u></b>

**2b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăkring	723.287.361	723.287.361
<b>Cộng</b>	<b><u>723.287.361</u></b>	<b><u>723.287.361</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b><u>48.314.273.702</u></b>	<b><u>15.108.426.932</u></b>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	47.078.030.982	14.937.128.852
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	1.236.242.720	171.298.080
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b><u>26.320.465.416</u></b>	<b><u>3.165.865.088</u></b>
Công ty Cổ phần Kết cấu thép Xây dựng Công nghiệp	10.086.334.706	
Guangzhou honesty trading Co., LTD	10.772.939.250	
Các nhà cung cấp khác	5.461.191.460	3.165.865.088
<b>Cộng</b>	<b><u>74.634.739.118</u></b>	<b><u>18.274.292.020</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**4. Phải thu khác****4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>25.295.291.664</b>		<b>24.900.941.369</b>	
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	2.211.000.000		2.211.000.000	
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam - Các khoản chi hộ	1.724.033.909		5.702.957.824	
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào - Các khoản chi hộ	176.281.250		1.609.211.315	
Nguyễn Văn Hùng	417.000.000		417.000.000	
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt - Tiền cho mượn	45.000.000			
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn - Các khoản chi hộ	2.998.364.836		2.481.328.000	
Nguyễn Hữu Trung - Tạm ứng	3.295.790.121		3.295.790.121	
Nguyễn Văn Hùng - Tạm ứng	9.237.189.942		5.437.533.103	
Trần Thanh Hiệp - Tạm ứng	3.377.559.015		3.070.559.015	
Trần Thanh Hữu - Tạm ứng	1.813.072.591		675.561.991	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>9.054.789.219</b>		<b>7.464.459.137</b>	
Ký cược, ký quỹ	40.000.000		40.000.000	
Quĩ khen thưởng chi quá	68.604.432			
Các khoản chi hộ	3.001.519.663		2.867.646.540	
Tạm ứng	5.944.665.124		4.556.812.597	
<b>Cộng</b>	<b>34.350.080.883</b>		<b>32.555.313.497</b>	

**4b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>29.998.674.680</b>		<b>29.998.674.680</b>	
Ông Nguyễn Hữu Trung	1.200.000.000		1.200.000.000	
Ông Nguyễn Văn Hùng	1.200.000.000		1.200.000.000	
Ông Nguyễn Đức Mạnh	1.200.000.000		1.200.000.000	
Ông Trần Thanh Hiệp	8.809.000.000		8.809.000.000	
Ông Trần Thanh Hữu	1.200.000.000		1.200.000.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn - Phải thu về góp vốn đầu tư	16.389.674.680		16.389.674.680	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.356.245.371</i>		<i>100.000.000</i>	
Ký cược, ký quỹ	1.356.245.371		100.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>31.354.920.051</b>		<b>30.098.674.680</b>	

### 5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		<i>88.102.342</i>	<i>26.430.703</i>			<i>26.430.703</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long		88.102.342	26.430.703		88.102.342	26.430.703
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	<i>Từ 2 năm đến 3 năm</i>	<i>88.102.342</i>	<i>26.430.703</i>	<i>Từ 2 năm đến 3 năm</i>	<i>88.102.342</i>	<i>26.430.703</i>
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		<i>1.383.313.839</i>	<i>30.014.248</i>		<i>88.102.342</i>	<i>30.014.248</i>
Công ty Cổ phần Trường Sơn		235.300.000			235.300.000	
<i>Phải thu tiền chi hộ</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>235.300.000</i>		<i>Trên 3 năm</i>	<i>235.300.000</i>	
Ông Nguyễn Huy Liêm		1.383.313.839			1.383.313.839	
<i>Phải thu tiền cho vay</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>1.383.313.839</i>		<i>Trên 3 năm</i>	<i>1.383.313.839</i>	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		217.178.255	30.014.248		217.178.255	30.014.248
<i>Phải thu tiền chi hộ</i>	<i>Từ 1 năm đến 2 năm</i>	<i>28.735.055</i>	<i>14.367.528</i>	<i>Từ 1 năm đến 2 năm</i>	<i>28.735.055</i>	<i>14.367.528</i>
<i>Phải thu tiền chi hộ</i>	<i>Từ 2 năm đến 3 năm</i>	<i>52.155.736</i>	<i>15.646.721</i>	<i>Từ 2 năm đến 3 năm</i>	<i>52.155.736</i>	<i>15.646.721</i>
<i>Phải thu tiền chi hộ</i>	<i>Trên 3 năm</i>	<i>136.287.464</i>		<i>Trên 3 năm</i>	<i>136.287.464</i>	
<b>Cộng</b>		<b>1.923.894.436</b>	<b>56.444.951</b>		<b>1.923.894.436</b>	<b>56.444.951</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

Số đầu năm	<b>Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn</b>
Số trích lập dự phòng trong kỳ	1.867.449.485
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.867.449.485</b>

49815  
CHI NH  
CÔNG  
CH NGHIỆP  
M TĐAN  
A &  
TẠI H  
V.G.ĐA

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	375.033.952		681.222.085	
Công cụ, dụng cụ	452.313.967		9.150.000	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.102.519.096		16.248.132.505	
Thành phẩm	6.126.980.000		10.567.754.664	
Hàng hóa	65.865.018		65.865.018	
<b>Cộng</b>	<b>26.122.712.033</b>		<b>27.572.124.272</b>	

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	29.940.102	196.837.106
Phí bảo lãnh		84.722.223
<b>Cộng</b>	<b>29.940.102</b>	<b>281.559.329</b>

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí Công cụ dụng cụ còn phải phân bổ.

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	781.988.436	31.705.441.914	3.319.842.035	44.541.818	35.851.814.203
Tăng do mua sắm trong kỳ		675.000.000	4.721.823.909		5.396.823.909
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>781.988.436</b>	<b>32.380.441.914</b>	<b>8.041.665.944</b>	<b>44.541.818</b>	<b>41.248.638.112</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		3.373.000.000	494.015.455	44.541.818	3.911.557.273
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	299.288.724	5.423.294.861	1.510.503.523	44.541.818	7.277.628.926
Tăng do khấu hao trong kỳ	39.099.420	3.861.811.095	570.586.774		4.471.497.289
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>338.388.144</b>	<b>9.285.105.956</b>	<b>2.081.090.297</b>	<b>44.541.818</b>	<b>11.749.126.215</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	482.699.712	26.282.147.053	1.809.338.512		28.574.185.277
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>443.600.292</b>	<b>23.095.335.958</b>	<b>5.960.575.647</b>		<b>29.499.511.897</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 835.302.944 VND và 168.611.356 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – chi nhánh Hoàng Quốc Việt.

### 9. Tài sản cố định vô hình

Là Giấy phép khai thác mỏ đá Quỳnh Hợp – Nghệ An

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	9.975.000.000	1.690.208.319	8.284.791.681
Tăng do khấu hao phân bổ vào chi phí xây dựng cơ bản trong năm		166.249.998	(166.249.998)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>9.975.000.000</b>	<b>1.856.458.317</b>	<b>8.118.541.683</b>

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng đường mỏ Quỳnh Hợp	6.570.690.623		6.570.690.623
Xây dựng nhà máy chế biến bột đá	11.589.263.554		11.589.263.554
Mỏ sắt Trần Hưng - tỉnh Yên Bái	25.202.000.000		25.202.000.000
Dự án bất động sản Mỹ Trì	6.865.234.524		6.865.234.524
Chi phí chung dự án mỏ Quỳnh Hợp	2.490.270.969	250.704.951	2.740.975.920
Dự án trạm nghiền Quỳnh Hợp	1.057.429.718		1.057.429.718
Dự án mỏ Thung Sán	1.977.649.331		1.977.649.331
Dự án Nhà máy Đá nhân tạo	9.899.124.262	3.143.225.790	13.042.350.052
Dự án Vũng Áng	2.075.847.868	5.122.509.326	7.198.357.194
Dự án Nhà máy Đá siêu mịn		6.130.000.000	6.130.000.000
<b>Cộng</b>	<b>67.727.510.849</b>	<b>14.646.440.067</b>	<b>82.373.950.916</b>

### 11. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>609.919.450</b>	<b>609.919.450</b>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	609.919.450	609.919.450
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>4.681.473.980</b>	<b>7.130.980.630</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp Đông Nam	1.496.756.410	1.421.756.410
Guangzhou honesty trading Co., LTD		1.526.533.172
Các nhà cung cấp khác	3.184.717.570	4.182.691.048
<b>Cộng</b>	<b>5.291.393.430</b>	<b>7.740.900.080</b>

### 12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Hà Thái		1.901.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hồng Doan		200.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm	2.000.000.000	
Dầu khí – Công ty Cổ phần		
Các khách hàng khác	87.153.500	27.153.500
<b>Cộng</b>	<b><u>2.087.153.500</u></b>	<b><u>2.128.153.500</u></b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số phát sinh trong kỳ</u>				<u>Số cuối kỳ</u>
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số được khấu trừ</u>	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	8.253.107.071	1.043.448.768	(520.000.000)	(1.513.903.596)	7.262.652.243
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		277.680.625	(277.680.625)		
Thuế xuất, nhập khẩu		57.644.270	(57.644.270)		
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.833.179.691	1.200.042.501	(50.000.000)		15.983.222.192
Thuế thu nhập cá nhân	694.672.279	1.411.000			696.083.279
Thuế tài nguyên	7.428.742.531		(130.000.000)		7.298.742.531
Các loại thuế khác		3.000.000	(3.000.000)		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	6.638.721.980				6.638.721.980
<b>Cộng</b>	<b><u>37.848.423.552</u></b>	<b><u>2.583.227.164</u></b>	<b><u>(1.038.324.895)</u></b>	<b><u>(1.513.903.596)</u></b>	<b><u>37.879.422.225</u></b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế xuất, nhập khẩu***

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.454.738.640	12.686.657.383
Thu nhập chịu thuế	5.454.738.640	12.686.657.383
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>1.200.042.501</u></b>	<b><u>2.791.064.624</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

### *Thuế tài nguyên*

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác quặng sắt và khai thác đá.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>8.457.827.620</b>	<b>9.328.989.353</b>
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn – tiền mua quặng	7.945.300.000	7.322.660.000
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam – tiền thuê thiết bị	512.527.620	2.006.329.353
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>27.978.942.535</b>	<b>27.805.070.494</b>
Chi phí lãi vay phải trả	7.205.988.553	7.078.811.333
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng thương mại Hà Thái – chi phí vận chuyển và chế biến quặng	14.344.359.478	14.344.359.478
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn – chi phí mua quặng	4.025.306.755	4.025.306.755
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.403.287.749	2.356.592.928
<b>Cộng</b>	<b>36.436.770.155</b>	<b>37.134.059.847</b>

#### 15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>5.439.950.253</b>	<b>5.456.648.160</b>
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt - vay không tính lãi	3.856.838.389	3.857.838.389
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam - vay không tính lãi	284.302.093	
Ông Nguyễn Hữu Trung - vay không tính lãi	434.000.000	434.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng - vay không tính lãi	373.715.719	373.715.719
Ông Trần Thanh Hiệp - vay không tính lãi	303.130.552	603.130.552
Ông Trần Thanh Hữu - vay không tính lãi	183.963.500	183.963.500
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác khoáng sản Việt Nam - cổ tức phải trả	4.000.000	4.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>2.501.540.654</b>	<b>2.848.953.765</b>
Kinh phí công đoàn	50.058.544	30.785.924
Bảo hiểm xã hội	1.073.541.625	984.743.848
Bảo hiểm y tế	31.746.795	25.122.330
Bảo hiểm thất nghiệp	78.247.269	65.495.339
Vay không tính lãi	814.437.907	1.538.740.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	453.508.514	204.066.324
<b>Cộng</b>	<b>7.941.490.907</b>	<b>8.305.601.925</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**16. Vay và nợ thuê tài chính****16a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.290.554.492</b>	<b>1.290.554.492</b>	<b>1.971.667.000</b>	<b>1.971.667.000</b>
Ông Trần Thanh Hữu	620.000.000	620.000.000	620.000.000	620.000.000
Ông Trần Thanh Hiệp	670.554.492	670.554.492	1.351.667.000	1.351.667.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>27.887.284.234</b>	<b>27.887.284.234</b>	<b>49.466.449.926</b>	<b>49.466.449.926</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	12.389.660.887	12.389.660.887	42.804.899.180	42.804.899.180
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	12.389.660.887	12.389.660.887	32.769.997.007	32.769.997.007
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy			10.034.902.173	10.034.902.173
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	3.372.550.746	3.372.550.746	6.661.550.746	6.661.550.746
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An <sup>①</sup>	3.372.550.746	3.372.550.746	3.372.550.746	3.372.550.746
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)	12.125.072.601	12.125.072.601	3.289.000.000	3.289.000.000
<b>Cộng</b>	<b>29.177.838.726</b>	<b>29.177.838.726</b>	<b>51.438.116.926</b>	<b>51.438.116.926</b>

<sup>①</sup> Theo hợp đồng hợp tác số 01-21062010/HĐĐT-CVCSM-TAS ngày 21/06/2010 và phụ lục 01 ngày 21/02/2011, lãi suất phải trả năm 2012 là 21,6%/năm, ngày đến hạn thanh toán toàn bộ nghĩa vụ hợp đồng là ngày 25 tháng 11 năm 2011. Tuy nhiên hiện nay Công ty Cổ phần Chứng khoán Tràng An đang lâm vào tình trạng không còn hoạt động. Vì vậy, Công ty không đối chiếu được công nợ cũng như chưa thanh toán khoản vay này.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cơ cấu sang nợ trung và dài hạn	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	42.804.899.180	9.205.217.390		(12.521.083.082)	(27.099.372.601)	12.389.660.887
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	3.372.550.746					3.372.550.746
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.971.667.000			(681.112.508)		1.290.554.492
Vay dài hạn đến hạn trả	3.289.000.000		10.086.072.601	(1.250.000.000)		12.125.072.601
<b>Cộng</b>	<b>51.438.116.926</b>	<b>9.205.217.390</b>	<b>10.086.072.601</b>	<b>(14.452.195.590)</b>	<b>(27.099.372.601)</b>	<b>29.177.838.726</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**16b. Vay dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>48.605.602.146</i>	<i>48.605.602.146</i>	<i>5.496.700.000</i>	<i>5.496.700.000</i>
Vay dài hạn ngân hàng	48.605.602.146	48.605.602.146	5.496.700.000	5.496.700.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Quốc Việt <sup>(i)</sup>	28.460.000.000	28.460.000.000	5.496.700.000	5.496.700.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội <sup>(ii)</sup>	20.145.602.146	20.145.602.146		
<b>Cộng</b>	<b>48.605.602.146</b>	<b>48.605.602.146</b>	<b>5.496.700.000</b>	<b>5.496.700.000</b>

(i) Khoản vay theo 2 hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 1450-201100165/HĐTD ngày 19/05/2011, hạn mức vay 5 tỷ đồng, mục đích trả tiền mua máy móc thiết bị, lãi suất thả nổi (lãi suất bình quân 6 tháng đầu năm 2014 là 13%/năm), thời hạn cho vay 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Tài sản đảm bảo là giấy phép khai thác mỏ sắt.
- Hợp đồng số 201100330/HĐTD ngày 15/09/2011 và phụ lục hợp đồng tín dụng số 1-201100330/PLHĐTD ngày 11/05/2012, mức dư nợ cao nhất là 10 tỷ đồng, lãi suất thả nổi, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu. Tài sản thế chấp là quyền đầu tư khai thác và chế biến quặng sắt Chấn Hưng tại thôn Chấn Hưng, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái và quyền đầu tư khai thác và chế biến mỏ quặng sắt tại thôn Thác Cá, xã Mỏ Vàng, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn – chi nhánh Đông Hà Nội để xây dựng Nhà máy đá nhân tạo tại Nghĩa Đàn với lãi suất tại thời điểm vay là 11%/năm, lãi suất thay đổi 3 tháng/1 lần, thời hạn vay 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 12 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	12.125.072.601	3.289.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	48.605.602.146	5.496.700.000
<b>Cộng</b>	<b>60.730.674.747</b>	<b>8.785.700.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Tăng do cơ cấu lại nợ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	5.496.700.000	26.295.602.146	27.099.372.601	(200.000.000)	(10.086.072.601)	48.605.602.146
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	5.496.700.000	3.150.000.000	27.099.372.601	(200.000.000)	(7.086.072.601)	28.460.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đống Hà Nội		23.145.602.146			(3.000.000.000)	20.145.602.146
<b>Cộng</b>	<b>5.496.700.000</b>	<b>26.295.602.146</b>	<b>27.099.372.601</b>	<b>(200.000.000)</b>	<b>(10.086.072.601)</b>	<b>48.605.602.146</b>

#### 16c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

#### 17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng		(68.604.432)
Quỹ phúc lợi	1.552.000	1.552.000
<b>Cộng</b>	<b>1.552.000</b>	<b>(67.052.432)</b>

Quỹ khen thưởng chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” (xem thuyết minh số V.4).

#### 18. Vốn chủ sở hữu

##### 18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	146.200.000.000	3.167.767.978	891.344.168	16.305.947.146	166.565.059.292
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	13.800.000.000				13.800.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này				4.254.696.139	4.254.696.139
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>3.167.767.978</b>	<b>891.344.168</b>	<b>20.560.643.285</b>	<b>184.619.755.431</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)	
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khoáng sản Việt Nam	18.975.000.000	11,86	18.975.000.000
Ông Trần Thanh Hiệp			4.062.000.000
Ông Nguyễn Văn Hùng			2.265.140.000
Ông Nguyễn Hữu Trung			2.000.000.000
Ông Nguyễn Đức Mạnh			1.500.000.000
Ông Trần Thanh Hữu			1.500.000.000
Các cổ đông khác	141.025.000.000	88,14%	129.697.860.000
<b>Cộng</b>	<b>160.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>160.000.000.000</b>

Trong kỳ Công ty đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ từ 146.200.000.000 VND lên 160.000.000.000 VND từ việc chào bán riêng lẻ 1.380.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu và giá bán là 10.000 VND/cổ phiếu.

### 18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	16.000.000	14.620.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	16.000.000	14.620.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	200,47	200,47

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	8.794.583.636	8.366.981.000
Doanh thu bán thành phẩm	8.093.000.000	40.798.985.452
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.540.267.725	2.780.916.156
Doanh thu hợp đồng xây dựng		802.169.615
<b>Cộng</b>	<b>24.427.851.361</b>	<b>52.749.052.223</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam với số tiền là 22.629.727.270 VND (cùng kỳ năm trước là 42.180.374.335 VND).

#### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.704.426.278	8.248.025.215
Giá vốn của thành phẩm đã bán	6.303.293.854	21.843.974.355
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		577.218.495
Giá vốn của hợp đồng xây dựng		155.623.588
Giá vốn cho thuê máy móc thiết bị	463.160.576	
Khấu hao trong thời gian dùng hoạt động	2.376.761.040	
Cộng	<u>13.847.641.748</u>	<u>30.824.841.653</u>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	384.962.817	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.456.529	7.526.982
Cộng	<u>411.419.346</u>	<u>7.526.982</u>

#### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	2.785.927.235	3.800.580.497
Chi phí tài chính khác	84.722.223	
Cộng	<u>2.870.649.458</u>	<u>3.800.580.497</u>

#### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.459.454	2.775.464.000
Các chi phí khác	7.200.000	8.994.665
Cộng	<u>12.659.454</u>	<u>2.784.458.665</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.508.275.000	1.712.638.037
Chi phí vật liệu quản lý	900.000	
Chi phí đồ dùng văn phòng	65.459.859	79.000.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	279.756.282	222.179.740
Thuế, phí và lệ phí	125.564.052	32.067.124
Chi phí dịch vụ mua ngoài	608.959.207	471.575.403
Các chi phí khác	43.755.307	129.263.078
<b>Cộng</b>	<b>2.632.669.707</b>	<b>2.646.724.046</b>

**7. Thu nhập khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư không sử dụng		11.300.000
Thu nhập khác	105.152	
<b>Cộng</b>	<b>105.152</b>	<b>11.300.000</b>

**8. Chi phí khác**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	20.781.537	
Phạt chậm nộp thuế		9.453.323
Chi phí khác	235.315	15.163.638
<b>Cộng</b>	<b>21.016.852</b>	<b>24.616.961</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.254.696.139	9.895.592.759
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.254.696.139	9.895.592.759
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.670.333	9.399.400
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>272</b>	<b>1.053</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	14.620.000	7.426.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 12 tháng 02 năm 2014		1.973.400
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 13 tháng 02 năm 2015	1.050.333	
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>15.670.333</b>	<b>9.399.400</b>

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.108.485.103	3.472.071.687
Chi phí nhân công	1.840.284.545	3.997.845.546
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.367.987.735	691.670.360
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.699.220.362	10.915.428.453
Chi phí khác	186.178.813	345.487.198
<b>Cộng</b>	<b>10.202.156.558</b>	<b>19.422.503.244</b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền thu từ đi vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	35.500.819.536	2.874.409.220

### 2. Tiền trả nợ gốc vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(14.652.195.540)	(7.902.109.080)

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành		
Cho vay		12.609.000.000
Nhận tiền vay		933.500.000
Nhận tạm ứng	5.892.519.000	
Thu hồi tạm ứng	648.351.561	
Lãi vay phải trả	104.615.530	
Trả tiền vay không tính lãi	300.000.000	
Trả gốc vay ngắn hạn	681.112.508	345.000.000

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tiền lương	455.581.000	563.861.582

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào	Cùng chủ tịch
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàng Sơn	Cùng chủ tịch
Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt	Cổ đông
Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng và Đầu tư Hoàng Long	Cùng thành viên Ban Giám đốc

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam</b>		
Phải thu về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	27.211.246.718	42.180.374.335
Phải trả về mua hàng hóa, dịch vụ	1.269.000.000	8.551.599.515
Vay không tính lãi	4.278.226.008	
<b>Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Lào</b>		
Cho vay không tính lãi	265.281.250	907.936.690
Mua hàng hóa	1.698.211.315	

**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại và Dịch vụ Hoàn Sơn</b>		
Mua nguyên vật liệu	622.640.000	
<b>Công ty Cổ phần Siêu thị Thuốc Việt</b>		
Góp vốn	7.141.000.000	
Vay không tính lãi	550.000.000	
Trả tiền vay	551.000.000	
Cho vay không tính lãi	45.000.000	

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh: Khai khoáng.
- Lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực		
	khai khoáng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Kỳ này</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.887.583.636	7.540.267.725	24.427.851.361
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>16.887.583.636</b>	<b>7.540.267.725</b>	<b>24.427.851.361</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	3.247.984.010	7.319.566.149	10.567.550.159
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.632.669.707)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			7.934.880.452
Doanh thu hoạt động tài chính			411.419.346
Chi phí tài chính			(2.870.649.458)
Thu nhập khác			105.152
Chi phí khác			(21.016.852)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(1.200.042.501)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>4.254.696.139</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>(20.043.263.976)</b>		<b>(20.043.263.976)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM**Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lĩnh vực khai khoáng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>(4.956.062.406)</b>		<b>(4.956.062.406)</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>			
<b>Kỳ trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	49.932.381.910	2.816.670.313	52.749.052.223
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>49.932.381.910</b>	<b>2.816.670.313</b>	<b>52.749.052.223</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.529.239.220	1.610.512.685	19.139.751.905
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.646.724.046)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			16.493.027.859
Doanh thu hoạt động tài chính			7.526.982
Chi phí tài chính			(3.800.580.497)
Thu nhập khác			11.300.000
Chi phí khác			(24.616.961)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(2.791.064.624)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>9.895.592.759</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>3.282.624.962</b>		<b>3.282.624.962</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>1.211.194.567</b>		<b>1.211.194.567</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>			
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực khai khoáng	Lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	181.204.009.916	4.426.250.614	185.630.261.653
Tài sản phân bổ cho bộ phận	149.089.296.931	3.641.787.991	152.731.084.944
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			16.389.674.680
<b>Tổng tài sản</b>			<b>354.751.021.277</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	30.109.603.253	11.618.560.332	41.728.163.585
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	36.524.281.452	14.093.827.937	50.618.109.389
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			77.784.992.872
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>170.131.265.846</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Số đầu năm	Lĩnh vực		Cộng
	khai khoáng	Lĩnh vực khác	
Tài sản trực tiếp của bộ phận	146.230.554.740	10.536.629.082	156.767.183.822
Tài sản phân bổ cho bộ phận	133.986.761.556	13.485.240.336	147.472.001.892
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			16.389.674.680
<b>Tổng tài sản</b>			<b>320.628.860.394</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	29.835.108.208	10.089.193.886	39.924.302.094
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	52.034.651.580	5.237.082.934	57.271.734.514
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			56.867.764.494
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>154.063.801.102</b>

### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 3. Số liệu so sánh

#### 3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

#### 3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

Mã số	Số liệu trước		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
	Điều chỉnh	Các điều chỉnh		
<b>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</b>				
Các khoản phải thu dài hạn khác	216	13.709.000.000	16.389.674.680	30.098.674.680 (i)
Quỹ đầu tư phát triển	414	752.388.779	138.955.389	891.344.168 (ii)

(i) Điều chỉnh tiền góp vốn với Công ty Cổ phần Công nghiệp và dịch vụ Hoàn Sơn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 40/HĐHTĐT/CMI-2014 ngày 01 tháng 11 năm 2014 từ Đầu tư khác thành Phải thu dài hạn khác.

(ii) Quỹ đầu tư phát triển tăng do điều chuyển số dư cuối năm 2014 của Quỹ dự phòng tài chính.

### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4a. *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty Cổ phần Xuất khẩu và Khai thác Khoáng sản Việt Nam và Công ty Cổ phần Khoáng sản và Công nghiệp Hưng Thịnh với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm lần lượt 79% và 15% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 75% và 17%). Các khách hàng khác có số dư dưới 5% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.8 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	313.491.233				313.491.233
Phải thu khách hàng	68.603.789.257			302.440.597	68.906.229.854
Các khoản phải thu khác	40.415.270.302			1.621.453.839	42.036.724.141
<b>Cộng</b>	<b>109.332.550.792</b>			<b>1.923.894.436</b>	<b>111.256.445.228</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.516.145.462				46.516.145.462
Phải thu khách hàng	61.165.108.104			302.440.597	61.467.548.701
Các khoản phải thu khác	29.228.056.670				29.228.056.670
<b>Cộng</b>	<b>136.909.310.236</b>			<b>302.440.597</b>	<b>137.211.750.833</b>

### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	29.177.838.726	48.605.602.146		77.783.440.872
Phải trả người bán	5.291.393.430			5.291.393.430
Các khoản phải trả khác	43.144.666.829			43.144.666.829
<b>Cộng</b>	<b>77.613.898.985</b>	<b>48.605.602.146</b>		<b>126.219.501.131</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	51.438.116.926	5.496.700.000		56.934.816.926
Phải trả người bán	7.740.900.080			7.740.900.080
Các khoản phải trả khác	44.329.514.331			44.329.514.331
<b>Cộng</b>	<b>103.508.531.337</b>	<b>5.496.700.000</b>		<b>109.005.231.337</b>

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### 4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 01 tháng 01 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	200,47	200,47

Ban Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

49815  
HỊ NHƯ  
CÔNG  
TRÌNH  
TOÁN V  
A &  
TÀI H  
ĐA

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản cho vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		46.200.000.000
Vay và nợ	(77.783.440.872)	(56.934.816.926)
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>(77.783.440.872)</b>	<b>(10.734.816.926)</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.213.421.678 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 167.463.144 VND).

#### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

#### 4d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2015.

#### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	313.491.233	46.516.145.462	313.491.233	46.516.145.462
Phải thu khách hàng	68.906.229.854	61.467.548.701	68.603.789.257	61.220.701.055
Các khoản phải thu khác	42.036.723.018	29.228.056.670	40.415.269.179	27.607.454.831
<b>Cộng</b>	<b>111.256.444.105</b>	<b>137.211.750.833</b>	<b>109.332.549.669</b>	<b>135.344.301.348</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	77.783.440.872	56.934.816.926	77.783.440.872	56.934.816.926
Phải trả người bán	5.291.393.430	7.740.900.080	5.291.393.430	7.740.900.080
Các khoản phải trả khác	6.707.896.674	44.329.514.331	6.707.896.674	44.329.514.331
<b>Cộng</b>	<b>89.782.730.976</b>	<b>109.005.231.337</b>	<b>89.782.730.976</b>	<b>109.005.231.337</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CMISTONE VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Agribank, số 135 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.


- Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Toàn

Nguyễn Văn Hùng

Trần Thanh Hiệp



